

SỰ THAM GIA CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ XOÀI Ở HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Đỗ Thị Diệp

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tác giả liên hệ: dtidiep@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 16.04.2025

Ngày chấp nhận đăng: 09.09.2025

TÓM TẮT

Nghiên cứu phân tích sự tham gia của phụ nữ dân tộc thiểu số trong chuỗi giá trị xoài tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La và đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của họ. Phương pháp dựa trên khung phân tích giới trong chuỗi giá trị, kết hợp lý thuyết trao quyền kinh tế và tiếp cận tài nguyên theo giới. Dữ liệu được thu thập từ khảo sát 80 hộ trồng xoài ở hai xã Tú Nang và Chiềng Hặc, cùng phỏng vấn và thảo luận nhóm với cán bộ, thương lái, doanh nghiệp và cơ sở chế biến. Kết quả cho thấy phụ nữ tham gia hầu hết các công đoạn từ trồng, chăm sóc, thu hoạch đến tiêu thụ nhưng gặp hạn chế về quyền đất đai, tín dụng, kỹ thuật và quyết định sản xuất. Hiện tượng “phân công lao động nhưng không phân quyền” phổ biến, khiến phụ nữ ít được hưởng lợi tương xứng. Nghiên cứu đề xuất nâng cao nhận thức giới, mở rộng tập huấn kỹ thuật, thiết lập quỹ tín dụng cho phụ nữ, phát huy vai trò hội phụ nữ và khuyến khích họ tham gia quản lý cộng đồng. Trao quyền thực chất cho phụ nữ là điều kiện quan trọng để chuỗi giá trị xoài Yên Châu phát triển công bằng và bền vững.

Từ khóa: Cây xoài, chuỗi giá trị, giới, huyện Yên Châu.

Participation of Ethnic Minority Women in Mango Value Chain in Yen Chau District, Son La Province

ABSTRACT

This study analyzes the participation of ethnic minority women in the mango value chain in Yen Chau district, Son La province, and proposes solutions to enhance their role. The research applied a gender value chain analysis framework, combined with theories of women's economic empowerment and gendered resource access. Data were collected from a survey of 80 mango-growing households in Tu Nang and Chieng Hac communes, supplemented by interviews and focus group discussions with local officials, traders, enterprises, and processors. Findings reveal that women participate in almost all stages from cultivation and care to harvesting and marketing but face constraints in land rights, credit access, technical training, and production decisions. The phenomenon of “labor division without decision-making power” is widespread, leaving women under-recognized and disadvantaged. The study suggests raising gender awareness, expanding technical training, establishing credit funds for women, strengthening women's unions, and encouraging their involvement in community governance. Genuine empowerment of ethnic minority women is essential for building a more equitable, inclusive, and sustainable mango value chain in Yen Chau.

Keywords: Mango, value chain, gender, Yen Chau district.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Yên Châu nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Sơn La, có điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa, địa hình đồi núi thấp và đất đai phù hợp để trồng các loại cây ăn quả, trong đó cây xoài là một trong những cây trồng chủ lực. Xoài Yên

Châu nổi tiếng bởi hương vị thơm ngon, vỏ mỏng, ít xơ và ngọt đậm đà, đặc biệt là giống xoài tròn và xoài tượng da xanh.

Cây xoài được trồng chủ yếu tại các xã như Chiềng Hặc, Tú Nang, Sập Vạt, Chiềng Khoi... với diện tích lên tới hàng nghìn hecta. Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi và kinh nghiệm canh tác

lâu đời của người dân địa phương, sản phẩm xoài Yên Châu đã được xây dựng thương hiệu, đạt chứng nhận VietGAP và từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ ra cả nước và xuất khẩu. Ngoài giá trị kinh tế, cây xoài còn góp phần phủ xanh đất đồi, bảo vệ môi trường và tạo sinh kế bền vững cho hàng ngàn hộ dân (Nguyễn Hữu Giáp & Nguyễn Mậu Dũng, 2022).

Trong những năm gần đây, chính quyền huyện Yên Châu đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ người trồng xoài như chuyển giao kỹ thuật, xây dựng vùng sản xuất an toàn và liên kết tiêu thụ với các doanh nghiệp lớn. Tuy nhiên, sản xuất và tiêu thụ xoài trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn liên quan đến thời tiết khí hậu thất thường, tình hình sâu bệnh hại, vấn đề không chủ động nguồn nước tưới, diện tích trồng theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap chưa nhiều, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và chế biến còn yếu kém, đặc biệt là tình trạng giá cả bấp bênh và khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm do tác động của dịch bệnh Covid-19 (Nguyễn Mậu Dũng, 2020).

Phụ nữ dân tộc thiểu số tại Yên Châu, đa phần thuộc nhóm hộ nghèo và cận nghèo (Chi cục Thống kê huyện Yên Châu, 2024), đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ chuỗi giá trị xoài, từ khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch đến phân loại, đóng gói và tiêu thụ tại chợ phiên địa phương. Theo khảo sát thực địa năm 2024, trên 78% lao động trực tiếp chăm sóc xoài là phụ nữ, trong đó gần 65% là phụ nữ dân tộc Mông và Thái. Nhiều phụ nữ còn chủ động tham gia các tổ hợp tác trồng xoài an toàn, đảm nhiệm vai trò tổ trưởng nhóm sản xuất, kế toán thu - chi và đại diện làm việc với doanh nghiệp thu mua. Tuy nhiên, vai trò của phụ nữ trong chuỗi giá trị này vẫn chưa được đánh giá đúng mức trong chính sách địa phương. Họ ít có cơ hội tiếp cận đất đai chính thức do chủ hộ thường là nam giới, khả năng tiếp cận các khóa đào tạo kỹ thuật, tín dụng ưu đãi hay các dự án liên kết với doanh nghiệp còn rất hạn chế (UBND huyện Yên Châu, 2024). Điều này dẫn đến nguy cơ bị loại trừ khỏi quá trình ra quyết định, mất cơ hội nâng cao năng lực và chia sẻ lợi ích công bằng trong phát triển chuỗi giá trị xoài.

Nghiên cứu này nhằm phân tích sự tham gia của phụ nữ dân tộc thiểu số trong chuỗi giá trị xoài, đề xuất một số giải pháp thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này tiếp cận vấn đề giới và sự tham gia của phụ nữ dân tộc thiểu số trong chuỗi giá trị xoài tại Yên Châu thông qua khung lý thuyết lồng ghép giới trong phát triển chuỗi giá trị nông sản, kết hợp với các lý thuyết về trao quyền kinh tế và tiếp cận tài nguyên dựa trên giới. Cụ thể, nghiên cứu sử dụng khung phân tích ba chiều về giới trong chuỗi giá trị:

(i) Phân công lao động theo giới: Xác định mức độ tham gia của phụ nữ và nam giới trong từng công đoạn của chuỗi giá trị (sản xuất - thu hoạch - chế biến - tiêu thụ).

(ii) Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực: Đánh giá khả năng của phụ nữ trong việc tiếp cận và quản lý đất đai, vốn, thông tin kỹ thuật, tập huấn, phương tiện đi lại và thị trường.

(iii) Quyền ra quyết định trong gia đình và cộng đồng: Phân tích mức độ tham gia của phụ nữ trong các quyết định quan trọng liên quan đến sản xuất, tiêu thụ và sử dụng thu nhập.

Khung lý thuyết này được kế thừa từ các công trình của Rubin & cs. (2009), Angelica (2014), bổ sung thêm các lý thuyết nền về trao quyền kinh tế cho phụ nữ (Kabeer, 1999; Moser, 1993), nhấn mạnh rằng: trao quyền thực chất không chỉ là tăng cường khả năng tham gia của phụ nữ, mà còn là tạo điều kiện để phụ nữ được ra quyết định và kiểm soát tài nguyên một cách công bằng trong các hệ thống sản xuất nông nghiệp.

Nghiên cứu sử dụng thông tin sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn sâu bán cấu trúc và thảo luận nhóm có trọng tâm tại hai xã có diện tích trồng xoài lớn và mức độ tập trung sản xuất cao nhất huyện Yên Châu, đó là xã Tú Nang (chiếm khoảng 25% diện tích xoài toàn huyện) và xã Chiềng Hặc (chiếm khoảng 17%). Việc lựa chọn hai xã này mang tính đại diện cho các vùng sản xuất xoài trọng điểm, có sự tham gia tích cực của phụ nữ dân tộc thiểu số trong các khâu của chuỗi giá trị.

Bảng 1. Phân bố mẫu khảo sát

Mất xích	Đối tượng	Số lượng
Đầu vào	Người bán vật tư	5
Sản xuất	Hộ trồng xoài	80
Thu gom	Thương lái	5
Chế biến	Cơ sở chế biến	3
Bán buôn/nhập khẩu	Doanh nghiệp xuất khẩu	2
Bán lẻ	Đại lý/chợ/siêu thị	5

Trong mỗi xã, nhóm nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích nhằm đảm bảo khảo sát được sự đa dạng về: dân tộc, quy mô sản xuất và giới tính. Tổng số mẫu khảo sát là 80 hộ, chia đều cho hai xã (mỗi xã 40 hộ). Mỗi hộ được đại diện bởi người có vai trò trực tiếp trong sản xuất và tiêu thụ xoài, phần lớn là phụ nữ. Ngoài ra, nghiên cứu còn phỏng vấn sâu các cán bộ cấp huyện, xã, cán bộ khuyến nông và đại diện hợp tác xã/nhà thu gom, chế biến, bán buôn, bán lẻ để có góc nhìn đa chiều về vai trò giới trong chuỗi giá trị xoài. Cụ thể, số lượng mẫu khảo sát được thể hiện qua bảng 1.

Ngoài khảo sát định lượng, nghiên cứu cũng thực hiện hai cuộc thảo luận nhóm tập trung (FGD) tại hai xã trọng điểm trong vùng trồng xoài, với sự tham gia cân bằng giữa nam và nữ (mỗi nhóm gồm 8 người: 4 nam và 4 nữ). Việc lựa chọn thành phần tham gia đa dạng về giới tính giúp đảm bảo thu thập được các góc nhìn khách quan và đa chiều, từ đó phản ánh rõ nét hơn vai trò, mức độ tham gia cũng như những rào cản mà phụ nữ dân tộc thiểu số đang đối mặt trong chuỗi giá trị xoài tại địa phương.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ xoài trên địa bàn huyện Yên Châu

3.1.1. Tình hình sản xuất

Sản xuất xoài là nguồn thu nhập chính của người dân ở huyện Yên Châu cùng với chuối và mận. Yên Châu có gần 3.300ha xoài, sản lượng gần 15.000 tấn/năm, chủ yếu là các giống xoài tròn, xoài hôi, Úc, Đài Loan (GL4). Trong đó

207ha được cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; 298ha được cấp mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu sang thị trường các nước Trung Quốc, Úc, Mỹ, New Zealand (UBND huyện Yên Châu, 2024).

Diện tích xoài trên địa bàn tập trung chủ yếu tại các xã Chiềng Hặc, Sấp Vạt, Tú Nang, Chiềng Păn. Trong đó, Tú Nang là xã có diện tích xoài lớn nhất huyện với 800ha.

Diện tích trồng xoài của huyện Yên Châu giai đoạn 2021-2023 có xu hướng giảm nhẹ với tốc độ giảm bình quân 0,4%/năm. Tuy nhiên, năng suất và sản lượng xoài của huyện có xu hướng tăng bình quân lần lượt là 2,9%/năm và 2,6%/năm.

3.1.2. Tình hình tiêu thụ

Là một trong những cây trồng chủ lực gắn bó với người dân Yên Châu, huyện đã xây dựng kế hoạch tiêu thụ, đẩy mạnh xúc tiến, giới thiệu sản phẩm xoài đến các tỉnh, thành phố và doanh nghiệp xuất khẩu, chế biến; thực hiện giám sát, hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc, thu hái, đóng gói, bảo quản quả xoài đúng quy trình kỹ thuật để đảm bảo đầu ra cho sản phẩm. Xoài Yên Châu được tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu, khoảng 3.200 tấn xoài mỗi năm được xuất khẩu sang thị trường các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc.

Tổng sản lượng xoài của huyện Yên Châu có xu hướng tăng đều qua các năm, từ 19.500 tấn năm 2021 lên 20.000 tấn năm 2023. Lượng xoài xuất khẩu tăng dần, từ 6.500 tấn năm 2021 lên khoảng 6.700 tấn năm 2023. Tiêu thụ nội địa vẫn chiếm tỉ trọng lớn, với khoảng 13.000 tấn năm 2021 và 13.300 tấn năm 2023.

Bảng 2. Diện tích, năng suất, sản lượng xoài huyện Yên Châu giai đoạn 2021-2023

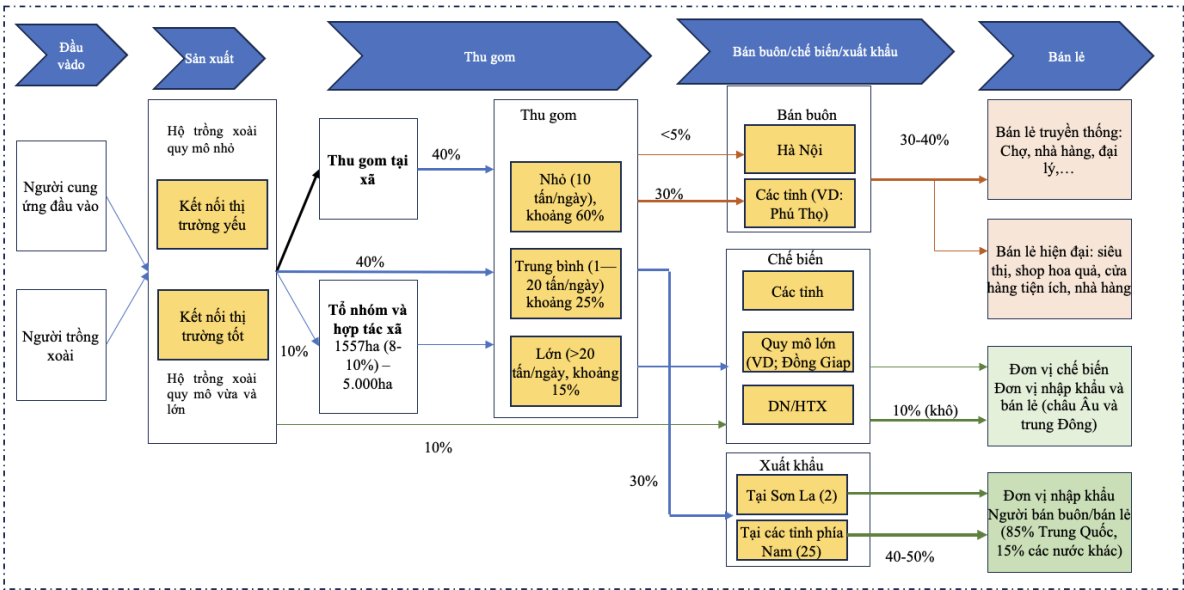
Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	Tốc độ phát triển (%)		
					22/21	24/23	BQ
Diện tích	Ha	3.212	3.200	3.200	99,6	100,0	99,6
Năng suất	Tấn	6,1	6,1	6,3	100,4	102,6	102,9
Sản lượng	Tấn	19.500	19.500	20.000	100,0	102,6	102,6

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Yên Châu (2024).

Bảng 3. Tình hình tiêu thụ xoài của huyện Yên Châu giai đoạn 2021-2023

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	Tốc độ phát triển (%)		
					22/21	23/22	BQ
Tổng sản lượng	Ha	19.500	19.500	20.000	100,0	102,6	102,6
Tiêu thụ trong nước	Tấn	13.000	9.700	13.300	74,6	137,1	102,3
Xuất khẩu	Tấn	6.500	9.800	6.700	150,8	68,4	103,1

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Yên Châu (2024).



Hình 1. Chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu (năm 2024)

Sự gia tăng trong sản lượng và tiêu thụ xoài cho thấy hiệu quả của các chính sách hỗ trợ nông dân, phát triển vùng trồng đạt chuẩn và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước

3.2. Sự tham gia của phụ nữ dân tộc thiểu số trong chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu

3.2.1. Khái quát chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu

Kết quả đánh giá nhanh chuỗi giá trị xoài Yên Châu thông qua PRA, thảo luận nhóm với

cán bộ cấp tỉnh, huyện, HTX và người dân được thể hiện qua hình 1.

Chuỗi giá trị xoài Yên Châu bắt đầu từ khâu cung ứng đầu vào đến khâu sản xuất, thu gom, chế biến và tiêu thụ.

Sản lượng xoài giai đoạn 2021-2023 ước tính trung bình khoảng 19.000-20.000 tấn/năm. Hầu hết sản lượng xoài của huyện đến từ những hộ trồng xoài quy mô nhỏ. Khoảng 80% sản lượng xoài được thu gom và tiêu thụ qua người

thu gom và thương lái, hoạt động ở nhiều khu vực và quy mô khác nhau. Những thương lái lớn (> 20 tấn/ngày) chi phối nguồn cung xoài, bán cho các nhà bán buôn và bán lẻ tại Hà Nội và các tỉnh khác, đồng thời họ cũng cung cấp cho các nhà chế biến và đơn vị xuất khẩu lớn.

Một số thương lái lớn có trụ sở tại Sơn La, trong khi nhiều thương lái là người từ các tỉnh khác, họ thu gom và phân phối (khoảng 30-40% tổng sản lượng) cho các thị trường xoài tươi và chế biến tại các tỉnh (điển hình như ở Phú Thọ). Một khối lượng nhỏ xoài (~10%) được giao dịch thông qua các hợp tác xã trồng trọt, bán cho các thương lái, doanh nghiệp, đơn vị xuất khẩu hoặc đơn vị chế biến.

Một phần sản lượng xoài tươi của Yên Châu được bán cho các đơn vị chế biến tại địa phương (DoveCo) và các tỉnh. Phần lớn xoài nguyên liệu

cho chế biến được cung cấp bởi người thu gom và thương lái, tuy nhiên, các đơn vị chế biến cũng có thể mua trực tiếp xoài từ người sản xuất (~ 10%). Kết quả khảo sát cho thấy các đơn vị chế biến chủ yếu xuất khẩu sản phẩm xoài khô cho khách hàng ở châu Âu và Trung Đông.

Kết quả khảo sát cho thấy 40-50% tổng sản lượng xoài Yên Châu được xuất khẩu sang Trung Quốc thông qua các kênh chính thống và không chính thống. Kênh xuất khẩu chính thống do các đơn vị xuất khẩu giàu kinh nghiệm đã thiết lập được mối quan hệ với người mua ở Trung Quốc. Tuy nhiên, khối lượng xoài xuất khẩu sang Trung Quốc bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong năm 2021 và 2022 do chính quyền Trung Quốc siết chặt quy định nhập khẩu và hạn chế chặt chẽ biên giới nhằm ngăn chặn sự lây lan của Covid-19.

Bảng 4. Phân công lao động theo giới trong sản xuất xoài ở Yên Châu

Công đoạn	Kết phỏng vấn sâu (n = 80)	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Làm đất	80	100,0
Chỉ nữ	0	0,0
Chỉ nam	43	53,8
Cả hai	37	46,3
Lựa chọn giống và trồng	80	100,0
Chỉ nữ	0	0,0
Chỉ nam	30	37,5
Cả hai	50	62,5
Bón phân	80	100,0
Chỉ nữ	12	15,0
Chỉ nam	8	10,0
Cả hai	60	75,0
Phun thuốc	80	100,0
Chỉ nữ	3	3,8
Chỉ nam	34	42,5
Cả hai	43	53,8
Tỉa/đốn cành	80	100,0
Chỉ nữ	2	2,5
Chỉ nam	38	47,5
Cả hai	40	50,0

Ghi chú: Thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu (2024)

3.2.2. Phân tích giới trong chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu

a. Phân công lao động theo giới

Xoài là cây trồng chính ở Yên Châu, đặc biệt là 2 xã nghiên cứu, vì vậy sản xuất và tiêu thụ xoài có sự tham gia của cả nam và nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, được phản ánh cụ thể qua bảng 4 và bảng 5.

Trong khía cạnh sản xuất (bao gồm làm đất, lựa chọn giống và trồng, bón phân, phun thuốc, đốn tỉa cành) có sự tham gia của cả nam và nữ ở các mức độ khác nhau, phù hợp với phân công lao động theo giới ở từng công đoạn, cụ thể:

Cả nam và nữ đều tham gia tích cực vào công đoạn làm đất. Mặc dù làm đất là công việc nặng nhọc nhưng phụ nữ ở Yên Châu hầu hết tham gia vào công đoạn này vì diện tích trồng xoài của các hộ khá lớn (trung bình hơn 1 ha/hộ), nam giới không thể đảm nhiệm toàn bộ công việc này một mình mà không có sự giúp đỡ của phụ nữ. Tuy nhiên, có sự phân công lao động nhất định, nam giới phụ trách đào hố trồng, phụ nữ đảm nhiệm làm sạch đất bề mặt và hỗ trợ nam giới một phần trong việc đào hố trồng. Đặc biệt, trong số các trường hợp tham gia thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, không có

trường hợp nào trả lời chỉ có nữ tham gia vào khâu làm đất trong khi tỉ lệ trả lời chỉ có sự tham gia của nam giới chiếm tới 53,8%.

Lý thuyết và thực tế nghiên cứu cho thấy phụ nữ tương tác thường xuyên hơn với môi trường trong một số công đoạn của trồng trọt như gieo trồng, làm cỏ, chăm sóc và bảo quản (Moser,1993). Riêng đối với sản xuất xoài ở Yên Châu, phân công lao động theo giới ở những công đoạn này không thật rõ ràng về tỉ lệ trả lời nhưng phân công lao động trong từng công đoạn lại khá rõ ràng tùy thuộc vào quy mô trồng. Cụ thể, nam giới thường làm cỏ và phun thuốc trừ sâu bằng máy, tỉa cây lớn trong khi phụ nữ thường làm các công việc liên quan đến chăm sóc như làm cỏ và bón phân.

Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa công việc của nam giới và nữ giới trong một số công đoạn của bón phân, phun thuốc trừ sâu, thu hoạch và bán sản phẩm. Cụ thể, có nhiều phụ nữ tham gia vào bón đạm hơn nam giới vì lượng đạm bón ở lần thứ hai ít hơn nhiều so với lần bón phân tổng hợp NPK (trước khi trồng). Đối với việc phun thuốc trừ sâu, nam giới tham gia tích cực hơn nữ giới vì tính chất công việc nặng nhọc, độc hại, đặc biệt là các diện tích cây lớn phải phun thuốc bằng máy.

Bảng 5. Phân công lao động theo giới trong thu hoạch, chế biến và tiêu thụ xoài ở Yên Châu

Công đoạn	Kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu (n = 80)	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thu hoạch	80	100,0
Chỉ nữ	0	0,0
Chỉ nam	3	3,8
Cả hai	77	96,3
Chế biến xoài khô	80	100,0
Chỉ nữ	15	18,8
Chỉ nam	45	56,3
Cả hai	20	25,0
Bán/tiêu thụ	80	100,0
Chỉ nữ	3	3,8
Chỉ nam	40	50,0
Cả hai	37	46,3

Ghi chú: Thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu (2024).

Trong quá trình thu hoạch, mặc dù 96,3% số người trả lời cả nam và nữ tham gia vào thu hoạch xoài, nhưng vẫn có sự phân công lao động rõ ràng theo giới ở công đoạn này. Cụ thể, phụ nữ thường hái xoài và đóng gói, nam giới dùng ngựa, xe máy để chở xoài từ vườn về nhà (đối với sản lượng xoài thu gom và thương lái không thu mua ngay tại vườn). Sự phân công này rõ ràng hơn ở các xã tập trung nhiều dân tộc thiểu số, nơi phụ nữ ít biết đi xe máy.

Theo kết thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, 80% xoài được bán ngay sau khi thu hoạch về. Mặc dù cả vợ và chồng cùng tham gia bàn bạc việc có hay không nên bán xoài, nhưng người chồng có tiếng nói sau cùng về quyết định bán hay không bán, bán cho ai và bán với số lượng bao nhiêu, bởi đàn ông thường là chủ hộ, có quyền quyết định trong gia đình. Sau khi quyết định bán xoài, người chồng sẽ theo xe tải về đại lý ở trung tâm xã để giao hàng và nhận tiền. Xét về khía cạnh phân công lao động theo giới, nam giới là lao động chính tham gia vào chế biến xoài khô tại các cơ sở chế biến (lớn, nhỏ).

Tuy nhiên, cần nhìn nhận sâu sắc hơn các yếu tố văn hóa - xã hội ảnh hưởng đến sự tham gia và phân công lao động theo giới. Sự khác biệt giữa các dân tộc như Thái và Mông tạo ra những đặc trưng giới rất khác biệt. Người Thái có xu hướng phân công công việc linh hoạt hơn, trong khi người Mông - đặc biệt là phụ nữ - thường không được đi học đầy đủ, không biết đi xe máy, dẫn đến việc không thể tham gia các buổi tập huấn kỹ thuật, không thể ra chợ hoặc trao đổi trực tiếp với thương lái. Từ đó, nam giới trở thành người quyết định chính và nắm giữ thu nhập từ sản xuất xoài. Đây là nguyên nhân cốt lõi khiến phụ nữ, dù tham gia lao động nhiều, lại không được hưởng quyền lợi tương xứng.

Một hệ quả đáng lưu ý là hiện tượng “phân công - không phân quyền” diễn ra phổ biến: phụ nữ gánh vác nhiều việc nặng nhọc và đóng góp lớn trong sản xuất nhưng lại không có tiếng nói quyết định trong các vấn đề tài chính hay chiến lược sản xuất. Điều này tạo ra rào cản lớn trong việc trao quyền kinh tế cho phụ nữ và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của chuỗi giá trị.

b. Tiếp cận và quản lý nguồn lực

Phụ nữ Việt Nam được cho là có trách nhiệm trong giữ gìn hạnh phúc cho gia đình. Tuy nhiên, họ ít có cơ hội tiếp cận quản lý các nguồn lực vật chất và phi vật chất bao gồm: quyền sở hữu, tập huấn, tài chính, sức khỏe sinh sản (Long, 2000). Tương tự như vậy, phụ nữ ở Yên Châu, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, bị hạn chế trong tiếp cận quyền tài sản, tín dụng và thu nhập. Kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu cũng chỉ ra phụ nữ không hoặc ít có cơ hội tham gia các lớp tập huấn, dịch vụ khuyến nông, hợp tác xã nông nghiệp, nơi có thể cung cấp kiến thức sản xuất, thị trường hay tạo thu nhập cho gia đình.

Liên quan đến quyền sở hữu đất và giới, nam giới ở Yên Châu thường là chủ hộ, được ghi tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, rất khó khăn cho phụ nữ trong việc tiếp cận các khoản vay tín dụng nếu không có quyền sở hữu đất đai (control) mặc dù họ vẫn được sử dụng và canh tác trên mảnh đất của gia đình mình (access). Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, ngay cả trong trường hợp chỉ có chồng đứng tên trong Giấy chứng nhận, mọi giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất vẫn bắt buộc phải có sự đồng thuận và chữ ký của cả hai vợ chồng. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thiếu tên trong sổ đỏ khiến nhiều phụ nữ không được tham vấn đầy đủ hoặc gặp khó khăn khi khẳng định quyền lợi của mình.

Với nguồn lực vật chất, nhìn chung không có sự khác biệt nhiều trong việc tiếp cận các nguồn lực công cộng như điện, đường, trạm. Riêng đối với trường học, nam giới ở Yên Châu nói chung được tiếp cận nhiều hơn bởi các bé trai được đến trường nhiều hơn so với các bé gái (tỉ lệ này cao hơn ở dân tộc thiểu số). Tâm lý con gái nhà ở nhà lấy chồng sớm từ lâu đã ăn sâu vào tâm lý của đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn nghiên cứu (kết quả phỏng vấn sâu). Đối với nguồn lực vật chất trong gia đình, nam giới tiếp cận tốt hơn, thường xuyên hơn với phương tiện sản xuất (cày, cuốc, bình phun thuốc trừ sâu) và phương tiện đi lại (xe máy). Đáng chú ý là hầu hết phụ nữ dân tộc Mông ở Yên Châu không biết

đi xe máy; do đó, khả năng tiếp cận thông tin và thị trường tiêu thụ sản phẩm của họ cũng hạn chế hơn.

Ngoài những rào cản phổ biến như việc phụ nữ ít được ghi tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay khó tiếp cận tín dụng, còn tồn tại sự chênh lệch rõ rệt trong khả năng tiếp cận các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, thông tin thị trường và nguồn lực sản xuất. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy: nhiều phụ nữ dân tộc Mông không biết chữ, không có phương tiện đi lại (đa phần không biết lái xe máy), nên không thể tham gia tập huấn kỹ thuật hay các hoạt động hợp tác xã. Điều này khiến họ mất cơ hội nâng cao năng lực sản xuất và bị loại khỏi các kênh phân phối sản phẩm, tiếp cận đầu ra, dẫn đến phụ thuộc hoàn toàn vào nam giới.

Việc thiếu quyền kiểm soát đất đai cũng làm phụ nữ khó tiếp cận tín dụng từ ngân hàng hay tổ chức tài chính chính thống. Nhiều trường hợp, phụ nữ là người trực tiếp lao động vườn xoài, chăm sóc và thu hoạch nhưng không thể vay vốn mở rộng sản xuất vì không có tài sản thế chấp. Họ buộc phải phụ thuộc vào chồng hoặc người thân nam giới - những người đứng tên sổ đỏ - để được vay vốn. Đây là biểu hiện rõ nét của mối liên hệ giữa quyền tài sản và quyền kinh tế của phụ nữ.

Một nguyên nhân cốt lõi là các rào cản văn hóa và cấu trúc gia đình phụ quyền ăn sâu vào các cộng đồng dân tộc thiểu số. Tư tưởng “đàn ông lo việc lớn, phụ nữ lo việc nhà” vẫn chi phối mạnh mẽ, khiến phụ nữ dù đóng vai trò lớn trong sản xuất nhưng vẫn bị xem nhẹ trong quyền tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực chủ chốt.

c. Quyền quyết định trong chuỗi giá trị

Không thể phủ nhận rằng quyền tiếp cận và quản lý nguồn lực có liên quan trực tiếp đến quyền quyết định trong gia đình, nơi người chồng là chủ hộ, có quyền quyết định hơn người vợ ở nhiều lĩnh vực, điển hình như: phân phối và sử dụng thu nhập, vay vốn, lên kế hoạch sản xuất, sức khỏe sinh sản, tham gia tập huấn và quản lý cộng đồng (Moser, 1993).

Ở 2 xã trồng nhiều xoài của Yên Châu, nơi

90% dân cư là dân tộc thiểu số với nhiều luật tục còn tồn tại thì nam giới vẫn được xem là trụ cột gia đình, lo những vấn đề “đại sự”. Do đó, quyền quyết định những việc lớn như sản xuất cái gì, quy mô bao nhiêu, đầu tư học hành cho con cái,... vẫn chủ yếu thuộc về nam giới với 91,1% ý kiến trả lời từ kết quả khảo sát.

Trong chuỗi giá trị xoài, mặc dù cả nam và nữ tham gia vào các công việc khác nhau của chuỗi nhưng nam giới là chủ hộ thường quyết định ở các lĩnh vực: mua giống, quy mô trồng, kỹ thuật trồng và chăm sóc, bán. Liên quan đến tiêu thụ nông sản, nam giới ở Yên Châu thường hiện diện trong việc bán nông sản phẩm (đặc biệt là xoài với 96,3% ý kiến trả lời) và giữ tiền sau khi bán (86,25%).

Một điểm nghẽn nữa là phụ nữ ít được tham vấn trong các quyết định về chiến lược sản xuất (chọn giống, mở rộng diện tích, tiếp cận đầu tư). Trong nhiều gia đình, dù phụ nữ là người trực tiếp tham gia trồng và chăm sóc xoài, nhưng họ không có tiếng nói trong việc lên kế hoạch canh tác. Nhiều phụ nữ chia sẻ: “Chồng quyết hết, mình làm theo thôi.”

Nguyên nhân của tình trạng này có thể truy ngược từ nhiều yếu tố: từ tư tưởng trọng nam truyền thống, đến việc phụ nữ không được tiếp cận thông tin, không có kỹ năng đàm phán hoặc không được khuyến khích tham gia vào các vai trò lãnh đạo kinh tế trong hộ gia đình. Bên cạnh đó, chính các chương trình phát triển nông nghiệp cũng thường tập trung vào nam giới - người đứng tên sản xuất - mà bỏ qua nhu cầu, vai trò và tiếng nói của phụ nữ.

Việc thiếu quyền kiểm soát thu nhập ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tái đầu tư, chăm sóc sức khỏe, giáo dục cho con cái, những lĩnh vực mà phụ nữ thường ưu tiên hơn nếu được chủ động sử dụng tiền. Điều này dẫn tới nguy cơ tái nghèo, đặc biệt ở các hộ đơn thân hoặc có rủi ro kinh tế cao.

Tóm lại, cả nam và nữ trong gia đình cùng tham gia bàn bạc ở tất cả các khâu trong chuỗi giá trị xoài, nhưng nam giới là chủ hộ thường là người ra quyết định cuối cùng liên quan đến sản xuất, đầu tư và tiêu thụ.

3.3. Giải pháp thúc đẩy vai trò của giới trong chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu

Vấn đề bất bình đẳng giới trong chuỗi giá trị xoài thể hiện ở phân công lao động, tiếp cận và quản lý nguồn lực, quyền quyết định trong gia đình. Để thúc đẩy vai trò của giới trong chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu, nghiên cứu đề xuất các giải pháp sau:

- Thông thường, nam giới ở Yên Châu được tham gia nhiều hơn vào các lớp tập huấn/cuộc họp/sự kiện ở thôn bản trong khi phụ nữ ít có cơ hội hơn. Trách nhiệm với các công việc gia đình, chăm sóc con cái và định kiến xã hội là những rào cản lớn cho việc tiếp cận này. Vì vậy, việc xác định mục tiêu, nội dung tập huấn ở cấp thôn bản với sự tham gia của cả nam và nữ cần được xem xét một cách tổng thể. Nội dung tập huấn nên tập trung vào hai khía cạnh sau.

Thứ nhất, tập huấn cho người dân kiến thức về giới như: vai trò, nhu cầu, bất bình đẳng, phân công lao động theo giới. Qua đó, sẽ giúp họ có nhận thức đúng đắn về vai trò của nam và nữ trong đời sống và sản xuất, góp phần thu hẹp khoảng cách giới trong cộng đồng nghiên cứu.

Thứ hai, tập huấn về kỹ thuật sản xuất cây ăn quả với sự tham gia của cả nam và nữ trong độ tuổi lao động vì họ là những tác nhân tham gia tích cực vào các giai đoạn khác nhau của sản xuất cây ăn quả.

- Người dân địa phương phải vay vốn và mua chịu đầu vào từ các đại lý trong xã với lãi suất cao. Hơn nữa, việc tiếp cận và quản lý tín dụng của phụ nữ thông qua các chương trình cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội còn hạn chế. Vì vậy, cần thiết lập quỹ tín dụng dành riêng cho phụ nữ, do hội phụ nữ quản lý. Nguồn quỹ này có thể huy động từ ngân hàng chính sách xã hội, các chương trình hỗ trợ của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ. Song song với đó, cung cấp các lớp tập huấn về quản lý và sử dụng vốn hiệu quả cho chi hội phụ nữ ở các bản trong xã; vai trò của phụ nữ trong chuỗi giá trị nông sản do đó sẽ được nâng cao.

- Hoạt động của hội phụ nữ ở các bản còn chưa phát triển, chỉ đơn giản là họp định kỳ 3 tháng một lần để triển khai các hoạt động liên

quan đến tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, vai trò của chi hội phụ nữ cần được nâng cao thông qua việc đa dạng hóa các hoạt động cho thành viên của hội. Cụ thể, chi hội phụ nữ có thể phối hợp với trạm khuyến nông mở các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, kiến thức thị trường cho hội viên.

- Để nâng cao vị thế của phụ nữ dân tộc thiểu số trong gia đình và ngoài xã hội, việc tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào quản lý cộng đồng (cấp bản, xã) là việc làm hết sức cần thiết. Qua đó, phụ nữ có thể tiếp cận tốt hơn với thông tin về đời sống, sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Trong phạm vi gia đình, phụ nữ thường thiệt thòi hơn nam giới trong việc tiếp cận nguồn lực tài chính, quyền quyết định sản xuất và bán nông sản phẩm, hoa quả. Thậm chí, phụ nữ dân tộc thiểu số ở một số huyện vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số còn không biết chữ và không biết nói tiếng phổ thông. Vì vậy, cần trao quyền cho phụ nữ ở Yên Châu nói chung, phụ nữ dân tộc thiểu số nói riêng, thông qua việc tạo cơ hội bình đẳng trong học tập, tiếp cận tài chính và tiếp cận thị trường.

Không thể thay đổi ngay các chuẩn mực truyền thống, nhưng có thể tạo ra không gian an toàn như các tổ nhóm, câu lạc bộ phụ nữ, tổ hợp tác xoài có phụ nữ làm tổ trưởng để tăng cường vai trò của họ.

Tổ chức các buổi tập huấn kỹ thuật, tiếp cận thị trường với thời gian linh hoạt, tổ chức tại thôn bản, có hỗ trợ trông trẻ và phiên dịch tiếng dân tộc nếu cần.

Đẩy mạnh giáo dục cho trẻ em gái dân tộc thiểu số; khuyến khích phụ nữ trẻ học lái xe máy, học tiếng phổ thông để mở rộng không gian tiếp cận thị trường và thông tin.

Thiết kế chính sách tín dụng phù hợp cho phụ nữ không đứng tên đất, như cho vay thông qua nhóm tín chấp hoặc quỹ tín dụng phụ nữ.

4. KẾT LUẬN

Qua phân tích sự tham gia của phụ nữ dân tộc thiểu số trong chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu, nghiên cứu rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, trong những năm gần đây, mặc dù diện tích trồng xoài tại huyện Yên Châu có xu hướng giảm nhẹ, nhưng năng suất và sản lượng lại tăng đều, cho thấy hiệu quả trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật và quy hoạch vùng trồng. Cùng với đó, hoạt động tiêu thụ xoài được mở rộng cả trong nước và quốc tế, đặc biệt với thị trường xuất khẩu ổn định sang Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Những nỗ lực trong việc xây dựng mã số vùng trồng, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và xúc tiến thương mại góp phần nâng cao vị thế và giá trị của sản phẩm xoài Yên Châu trên thị trường.

Thứ hai, chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu được hình thành tương đối rõ ràng với sự tham gia của nhiều tác nhân từ sản xuất, thu gom, chế biến đến tiêu thụ. Tuy nhiên, phần lớn sản lượng vẫn phụ thuộc vào thương lái và người thu gom, trong khi vai trò của hợp tác xã và doanh nghiệp chế biến tại địa phương còn hạn chế. Xuất khẩu chính ngạch đang dần được mở rộng nhưng vẫn chịu ảnh hưởng từ các biến động chính sách, đặc biệt là từ phía thị trường Trung Quốc. Điều này cho thấy chuỗi giá trị xoài ở Yên Châu tuy tiềm năng nhưng vẫn cần tăng cường tính tổ chức và khả năng liên kết bền vững hơn giữa các mắt xích.

Thứ ba, phụ nữ dân tộc thiểu số ở Yên Châu đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị xoài, nhưng lại chưa được hưởng quyền lợi tương xứng với đóng góp của họ. Sự bất bình đẳng thể hiện rõ trong phân công lao động, tiếp cận và kiểm soát nguồn lực, cũng như quyền quyết định trong hộ gia đình. Những rào cản về văn hóa, trình độ, phương tiện đi lại và tiếng nói trong cộng đồng đã làm hạn chế đáng kể khả năng tham gia chủ động và bình đẳng của phụ nữ vào chuỗi giá trị. Hiện tượng “phân công - không phân quyền” là một thách thức lớn cần được nhìn nhận và giải quyết một cách hệ thống và sâu sắc.

Thứ tư, việc thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong chuỗi giá trị xoài cần bắt đầu từ việc nâng cao nhận thức giới, cải thiện khả năng tiếp cận thông tin, tài chính và kỹ thuật, đồng thời tạo

ra các không gian an toàn để phụ nữ có thể tham gia và phát huy vai trò lãnh đạo. Việc thiết lập các quỹ tín dụng riêng cho phụ nữ, tổ chức tập huấn linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, cũng như khuyến khích giáo dục và nâng cao năng lực cho phụ nữ dân tộc thiểu số là những giải pháp then chốt. Chỉ khi phụ nữ được trao quyền thực sự, chuỗi giá trị xoài mới có thể phát triển theo hướng công bằng, bền vững và toàn diện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Angelica Senders (2014). Gender in value chain: Practical toolkit to integrate a gender perspective in agricultural value chain development. Agri-ProFocus.
- Chi cục Thống kê huyện Yên Châu (2024). Niên giám Thống kê huyện Yên Châu năm 2023. Nhà xuất bản Thống kê. Hà Nội.
- Kabeer N. (2000). Resource, Agency, achievement: reflections on the measurement of women's empowerment. In R. Shahra, Gendered Poverty and Well-being. Oxford, UK: Blackwell Publisher. p. 28.
- Long L.D. (2000). Changing Gender Relations in Vietnam's Post Doi Moi Era. World Bank. Policy Research Report on Gender and Development. Working paper series no.14.
- Moser C.O. (1993). Gender planning and development: Theory, practice and training, London and New York: Routledge.
- Nguyễn Hữu Giáp & Nguyễn Mậu Dũng (2022). Giải pháp phát triển sản xuất xoài bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La. Tạp chí Kinh tế và Phát triển. 305(2): 102-113.
- Nguyễn Mậu Dũng (2020). Nghiên cứu đề xuất giải pháp sản xuất phục vụ thúc đẩy xuất khẩu một số sản phẩm cây ăn quả chủ lực trên địa bàn tỉnh Sơn La. Báo cáo tổng kết đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La.
- Phòng NN&PTNT huyện Yên Châu (2024). Báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024.
- Rubin D.C., Manfree & Nichols Barrett K. (2009). Promoting Gender Equitable Opportunities in Agricultural Value Chains: A hand-book. Washington, D.C.:USAID.
- UBND huyện Yên Châu (2024). Báo cáo tình hình sản xuất xoài huyện Yên Châu năm 2024.